TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/24/HNGĐ-ST
Ngày: 10 -6 -2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông: **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024 ngày 03/5/2024 và Quyết định hoãn phiên Toà số: 47/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị: **Bùi Thị T**, sinh năm 1977 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2024 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Ngọc H do quen biết tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30 tháng 5 năm 1997.

Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng tháng 4 năm 1999 cha mẹ chồng cho ra ở riêng tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống sinh hoạt không hợp nhau, vợ chồng thường hay gây cải và nhiều lần anh H thô bạo đánh đập chị, chị cố chịu đựng để chăm lo cho 2 con, nhưng ngày càng trầm trọng chị không còn sức chịu đựng được nên chị cắt quan hệ vợ chồng với anh H và về nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp N, xã H từ ngày 20/7/2022 sống cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H

- *Về con chung:* Trong thời gian sống chung chị và anh H có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 09/10/2000, hiện nay hai con đã thành niên tự lao động nuôi sống bản thân được, nên khi ly hôn chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc H:***

Anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Hiện anh H đang ở địa phương, Toà tống đạt văn bản tố tụng anh H nhận và Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H cố tình không hợp tác.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Trích lục kết hôn bản sao, bản sao giấy khai sinh con chung, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh H không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra các đương sự không còn cung cấp thêm chứng cứ nào và giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Ngọc H. Anh H có nơi cư trú tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Nguyễn Ngọc H vẫn cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh H biết chị T yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án, ngày 23 tháng 5 năm 2024 chị Bùi Thị T có đơn xin vắng mặt tại Toà án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H chị T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Ngọc H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30 tháng 05 năm 1997. Theo lời trình bày của chị T trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, trong đời sống sinh hoạt không hợp nhau, anh H nhiều lần thô bạo đánh đập, chị cố chịu để lo cho hai con, nhưng ngày càng trầm trọng chị không còn sức chịu đựng nửa nên chị về bên mẹ ruột ở ấp N, xã H từ ngày 20/7/2022 sống ly thân với anh H cho đến nay. Anh H biết chị T xin ly hôn với anh, nhưng anh cũng không hợp tác với Toà để giải quyết vụ án, bỏ mặt không màn đến việc hoà giải đoàn tựu với chị T.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Trong thời gian sống chị T xác định chị và anh H có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 09/10/2000, hiện nay hai con đã thành niên tự lao động nuôi sống bản thân được, nên khi ly hôn chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Miễn xét

[4] Tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

[2] Con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Ngọc H có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 09/10/2000, hiện nay hai con đã thành niên tự lao động nuôi sống bản thân được, nên khi ly hôn chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Miễn xét

[3] Tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008908 ngày 26 tháng 3 năm 2024 chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nôi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng liêm
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền